

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 107/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 16 tháng 12 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, số lượng, quy trình xét chọn,  
đơn vị quản lý và chi trả chế độ phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08/3/2013 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ, phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn bản;*

*Căn cứ Nghị quyết 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Lào Cai.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, số lượng, quy trình xét chọn, đơn vị quản lý và chi trả chế độ phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Đặng Xuân Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

**Tiêu chuẩn, số lượng, quy trình xét chọn, đơn vị quản lý và chi trả chế độ  
phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2016/QĐ-UBND  
ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định về tiêu chuẩn, số lượng, quy trình xét chọn, đơn vị quản lý và chi trả chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Nhân viên y tế thôn, bản gồm:

- Nhân viên y tế thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu (sau đây gọi là nhân viên y tế thôn, bản);

- Nhân viên y tế thôn bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em (sau đây gọi là cô đỡ thôn, bản);

b) Cơ quan, tổ chức liên quan đến thực hiện xét chọn, quản lý và chi trả chế độ phụ cấp cho nhân viên y tế thôn, bản.

3. Quyết định này không áp dụng đối với nhân viên y tế tại các tổ dân phố thuộc các phường, thị trấn.

### **Chương II**

#### **TIÊU CHUẨN, SỐ LƯỢNG, QUY TRÌNH XÉT CHỌN, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, CHI TRẢ PHỤ CẤP ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN Y TẾ THÔN, BẢN**

##### **Điều 2. Tiêu chuẩn nhân viên y tế thôn, bản**

1. Về trình độ chuyên môn, đào tạo:

a) Nhân viên y tế thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu: có trình độ chuyên môn về y tế từ sơ cấp trở lên hoặc đã hoàn thành khóa đào tạo có thời gian từ 3 tháng trở lên theo khung chương trình đào tạo nhân viên y tế thôn, bản của Bộ Y tế;

b) Cô đỡ thôn, bản: đã hoàn thành khóa đào tạo có thời gian từ 06 (sáu) tháng trở lên theo khung chương trình đào tạo cô đỡ thôn, bản của Bộ Y tế.

2. Tự nguyện tham gia làm nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản.
3. Có tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình tham gia hoạt động xã hội, có khả năng vận động quần chúng và được cộng đồng tín nhiệm.
4. Có đủ sức khỏe để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.
5. Đang sinh sống, làm việc ổn định tại thôn, bản. Trường hợp tại thôn, bản đó không có người để xét chọn thì có thể chọn người ở thôn, bản lân cận đạt tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này làm nhân viên y tế thôn, bản.

### **Điều 3. Số lượng nhân viên y tế thôn, bản**

1. Mỗi thôn, bản được bố trí 01 nhân viên y tế thôn, bản.
2. Những thôn, bản có nhiều người dân tộc thiểu số sinh sống, có mức sinh cao, còn tồn tại phong tục, tập quán không đến khám thai, quản lý thai và đẻ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có diện tích rộng, giao thông khó khăn, phức tạp, khả năng tiếp cận của người dân với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hạn chế (sau đây gọi là thôn, bản còn có khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em) được bố trí thêm 01 cô đỡ thôn bản (*có danh sách thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em tại Phụ lục số 2 kèm theo*).

### **Điều 4. Quy trình xét chọn nhân viên y tế thôn, bản**

1. Điều kiện đăng ký dự xét chọn:
  - a) Đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2, Quy định này;
  - b) Không trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án phạt tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, không bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự tại thời điểm dự tuyển.
2. Thành phần hồ sơ xét chọn:
  - a) Đơn đăng ký dự xét chọn làm nhân viên y tế thôn, bản (*theo mẫu tại Phụ lục số 1 kèm theo*);
  - b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có dán ảnh kích thước 4 x 6 cm, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã) không vi phạm Điểm b, Khoản 1 Điều này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;
  - c) Giấy khám sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết luận (đủ sức khỏe) đến ngày nộp hồ sơ;
  - d) Bản sao có chứng thực giấy khai sinh hoặc chứng minh thư nhân dân;
  - đ) Bản sao có chứng thực các văn bằng, chứng chỉ, bằng điểm về chuyên môn y tế có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền;

e) Giấy tờ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên trong xét chọn (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

3. Nguyên tắc xác định người được xét chọn:

a) Người được chọn làm nhân viên y tế thôn, bản là người có trình độ chuyên môn đào tạo cao hơn;

b) Nếu từ 02 (hai) người trở lên có cùng trình độ chuyên môn đào tạo thì thứ tự ưu tiên như sau: người xếp loại tốt nghiệp cao hơn; người có điểm học tập cao hơn, người có điểm tốt nghiệp cao hơn. Trường hợp vẫn không xác định được người để chọn theo thứ tự ưu tiên trên thì Hội đồng xét chọn quyết định người được xét chọn.

Việc tính điểm xét tuyển thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Trình tự, thủ tục xét chọn:

a) Trạm Y tế cấp xã tổng hợp số lượng nhân viên y tế thôn, bản còn thiếu trên địa bàn báo cáo Trung tâm Y tế huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Trung tâm Y tế cấp huyện);

b) Trung tâm Y tế tổng hợp nhu cầu xét chọn toàn huyện, thành phố;

c) Giám đốc Trung tâm Y tế cấp huyện thành lập Hội đồng xét chọn nhân viên y tế thôn, bản gồm 05 (năm) thành viên do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Trung tâm Y tế cấp huyện làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên khác là lãnh đạo Phòng Y tế cấp huyện và các viên chức của Trung tâm Y tế cấp huyện;

d) Hội đồng xét chọn thông báo công khai việc xét chọn nhân viên y tế thôn, bản; Thông báo được niêm yết tại Trung tâm Y tế cấp huyện, Trạm Y tế cấp xã và ở thôn, bản; đồng thời thông báo trên hệ thống truyền thanh của cấp xã, của thôn, bản (nếu có);

đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi có thông báo xét chọn nhân viên y tế thôn, bản; cá nhân có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyện vọng đăng ký xét chọn thì nộp 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này tại Trạm Y tế cấp xã.

e) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ, Trạm Y tế cấp xã tổng hợp, lập danh sách sách trích ngang những người đăng ký xét chọn báo cáo Trung tâm Y tế cấp huyện (kèm theo 01 bộ hồ sơ của từng người đăng ký xét chọn);

g) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Trạm Y tế cấp xã, Hội đồng xét chọn Trung tâm Y tế cấp huyện tiến hành họp xét chọn và công bố kết quả xét chọn nhân viên y tế thôn, bản. Kết quả xét chọn được niêm yết tại Trạm Y tế cấp xã và Trung tâm Y tế cấp huyện;

h) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi công bố kết quả xét chọn, Hội đồng xét chọn nhận đơn phúc khảo về kết quả xét chọn;

i) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc việc nhận đơn phúc khảo, Hội đồng xét chọn phải giải quyết xong các kiến nghị của các cá nhân về kết quả xét chọn và có văn bản gửi Sở Y tế phê duyệt kết quả xét chọn (Kèm theo 01 bộ hồ sơ và danh sách trích ngang những người đăng ký xét chọn);

k) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản của Trung tâm Y tế cấp huyện, Giám đốc Sở Y tế xem xét, quyết định phê duyệt danh sách nhân viên y tế thôn, bản;

l) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt kết quả của Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế cấp huyện ký hợp đồng làm việc đối với người được tuyển chọn.

### **Điều 5. Quyền lợi và nghĩa vụ của nhân viên y tế thôn bản**

#### **1. Quyền lợi:**

a) Nhân viên y tế thôn, bản được hưởng chế độ phụ cấp theo quy định hiện hành của Nhà nước và trợ cấp thêm hàng tháng (nếu có) từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác do cấp có thẩm quyền quy định;

b) Mỗi nhân viên y tế thôn, bản được trang bị các thiết bị, dụng cụ y tế theo danh mục do Bộ Y tế quy định;

c) Nhân viên y tế thôn, bản hoạt động theo chế độ không chuyên trách tại thôn, bản. Nhân viên y tế thôn, bản có trách nhiệm chủ động bố trí, sắp xếp thời gian để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Quyết định này.

d) Nhân viên y tế thôn bản được tham gia các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ do các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, huyện tổ chức.

#### **2. Nghĩa vụ:**

a) Nhân viên y tế thôn, bản có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, chỉ đạo và hướng dẫn trực tiếp về chuyên môn kỹ thuật của Trạm y tế xã;

b) Nhân viên y tế thôn, bản chịu sự quản lý, giám sát về hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, bản;

c) Nhân viên y tế thôn, bản có mối quan hệ phối hợp với các tổ chức quần chúng, đoàn thể tại thôn, bản trong việc tuyên truyền, vận động, thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân thôn, bản;

d) Các nhân viên y tế thôn, bản cùng phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, sẵn sàng phối hợp với các thôn, bản trên địa bàn xã khi có yêu cầu hỗ trợ.

### **Điều 6. Cơ quan quản lý và chi trả chế độ phụ cấp**

1. Trạm Y tế cấp xã trực tiếp quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn kỹ thuật đối với nhân viên y tế thôn, bản và hàng năm tiến hành đánh giá hoạt động đối với đội ngũ này để có các hình thức động viên, khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, Trưởng thôn, bản có trách nhiệm quản lý, giám sát về hoạt động của nhân viên y tế thôn, bản.

3. Trung tâm Y tế cấp huyện thực hiện chi trả chế độ phụ cấp hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, bản thông qua Trạm Y tế cấp xã.

4. Mức phụ cấp: Thực hiện theo Tiết a, Điều 3.2, Khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 37/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 về số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; chế độ đối với lực lượng công an, dân quân trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Y tế:

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch kinh phí; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ y khoa để chuẩn hóa về trình độ cho nhân viên y tế thôn, bản.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn lồng ghép hoạt động của nhân viên y tế thôn, bản với cộng tác viên các chương trình y tế nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của nhân viên y tế thôn, bản;

2. Sở Tài chính tham mưu bố trí ngân sách để thực hiện chế độ chính sách đối với nhân viên y tế thôn, bản theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. UBND huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn đảm bảo chi trả kinh phí theo đúng chế độ đối với đội ngũ nhân viên y tế thôn bản thuộc thẩm quyền quản lý.

4. Trung tâm Y tế huyện, thành phố:

a) Thực hiện hướng dẫn, theo dõi kết quả hoạt động của nhân viên y tế thôn bản, thực hiện chế độ đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Y tế về chất lượng của đội ngũ nhân viên y tế thôn bản;

b) Hàng năm, lập dự toán ngân sách chi trả cho nhân viên y tế thôn bản gửi Phòng Tài chính huyện để tổng hợp và bố trí phân bổ kinh phí và định kỳ báo cáo kết quả hoạt động của nhân viên y tế thôn bản 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng, gửi về Sở Y tế tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 8. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với người đang làm nhân viên y tế thôn, bản tính đến thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện như sau:

1. Người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2, Quyết định này được tiếp tục làm nhân viên y tế thôn, bản.

2. Nhân viên y tế thôn, bản không đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định tại Điều 2 Quyết định này thì tiếp tục được làm việc đến hết ngày 31/12/2017 và có trách nhiệm hoàn thiện trình độ chuyên môn. Hết thời hạn

trên, nhân viên y tế thôn, bản không đảm bảo tiêu chuẩn thì Trung tâm Y tế cấp huyện làm thủ tục đề nghị Sở Y tế cho thôi làm nhân viên y tế thôn, bản và thông báo xét chọn người có đủ tiêu chuẩn để thay thế.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Sở Y tế chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện quy chế này; định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân tỉnh (qua Sở Tư pháp) tình hình thi hành văn bản cho phù hợp với quy định của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Đặng Xuân Phong**

**Phụ lục số 1**

**Mẫu đơn đăng ký dự xét chọn làm nhân viên y tế thôn, bản**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2016/QĐ-UBND*  
*ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ**

**Dự xét chọn làm nhân viên y tế thôn, bản năm .....**

Kính gửi: - Hội đồng xét chọn nhân viên y tế thôn, bản huyện (TP).....  
 - Trạm Y tế xã (phường, thị trấn).....

Tên tôi là.....Nam (nữ).....

Sinh ngày.....tháng.....năm .....

Quê quán: .....

Hộ khẩu thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay: .....

Điện thoại liên lạc.....

Trình độ chuyên môn đào tạo.....Chuyên ngành đào tạo:.....

Xếp loại tốt nghiệp.....; Điểm học tập.....; Điểm tốt nghiệp: .....

Sau khi nghiên cứu Thông báo xét chọn nhân viên y tế thôn, bản của Hội đồng xét chọn nhân viên y tế thôn, bản huyện (thành phố) ..... tôi thấy mình đủ điều kiện đăng ký dự xét chọn làm nhân viên y tế thôn (bản) ..... của xã (phường, thị trấn) ..... thuộc huyện (thành phố)..... Vì vậy tôi làm đơn này đăng ký dự xét chọn làm nhân viên y tế tại thôn (bản) ..... thuộc xã (phường, thị trấn) .....

Nếu được tuyển chọn tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan có thẩm quyền xét chọn.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự xét chọn, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật
2. Giấy chứng nhận sức khỏe
3. Bản sao giấy khai sinh (hoặc chứng minh thư nhân dân);
4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, bảng điểm về y có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

Tôi cam đoan hồ sơ dự xét chọn của tôi là đúng sự thật. Nếu sai sự thật thì kết



quả tuyển chọn của tôi (nếu được tuyển chọn) sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hủy bỏ và tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**Ghi chú:** *Nếu chỉ tiêu tuyển chọn phân theo đơn vị, thì mỗi thí sinh chỉ được đăng ký vào 01 đơn vị có chỉ tiêu. Nếu có tình đăng ký 02 đơn vị trở lên thì cơ quan thực hiện xét chọn loại khỏi danh sách đăng ký dự xét chọn hoặc hủy kết quả tuyển chọn.*

**XÁC NHẬN CỦA TRƯỞNG THÔN  
(TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ)**

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**  
(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Phụ lục số 2****Danh sách thôn, bản còn khó khăn về công tác chăm sóc sức khỏe  
bà mẹ và trẻ em trên địa bàn tỉnh Lào Cai***(Ban hành kèm theo Quyết định số 107/2016/QĐ-UBND  
ngày 16/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

TT	Tên xã	Tên thôn, bản	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Bắc Hà (65 thôn, bản)</b>		
	Xã Na Hối		
1		Thôn Ngải Thầu	
	Xã Bản Già		
2		Thôn Lù Sui Tùng	
3		Thôn Kha Phàng 1	
4		Thôn Kha Phàng 2	
5		Thôn Nậm Sỏm	
	Xã Tả Củ Tỷ		
6		Thôn Sông Lắm	
7		Thôn Ngải Thầu	
8		Thôn Sín Chải	
	Xã Nậm Mòn		
9		Thôn Sủ Chù Chải	
10		Thôn Ngải Số	
11		Thôn Bản Ngồ Thượng	
	Xã Nậm Đét		
12		Thôn Nậm Cài	
13		Thôn Nậm Đét	
	Xã Lầu Thí Ngải		
14		Thôn Dín Tùng	
15		Thôn Lử Chồ 1	
16		Thôn Pờ Chồ 1	
17		thôn Pờ Chồ 3	
	Xã Thái Giàng Phó		
18		Thôn Sản Chư Ván	
19		Thôn Nậm Thố	
20		Thôn Sín Chải	
21		Thôn Ngải Ma	

	Xã Hoàng Thu Phố		
22		Lao Phu Sáng	
23		Thôn Tả Thố 1	
24		Thôn Tả Thố 2	
25		Thôn Sín Chồ 2	
26		Thôn Bản Páy 1	
27		Thôn Bản Páy 2	
	Xã Lùng Cải		
28		Thôn Sín Chải Cưa Cải	
29		Thôn Lao Chải	
30		Thôn Sẻ Chải	
31		Thôn Thìn Ván	
32		Thôn Pù Chù Ván	
	Xã Lùng Phình		
33		Thôn Quan Hóa	
34		Thôn Tùng Súng	
35		Thôn Pả Chư Tỷ 2	
36		Thôn Tả Chải	
	Xã Bản Liên		
37		Thôn Xà Phìn	
38		Thôn Đội 5	
39		Thôn Khu Chung Tùng 2	
	Xã Tả Văn Chư		
40		Thôn Lao Chải	xa Trạm Y tế xã
41		Thôn Sừ Mản Khang	
42		Thôn Xà Ván	
43		Thôn Sín Chải	
	Xã Cốc Lầu		
44		Thôn Làng Mới	
45		Thôn Bản Vàng	
46		Thôn Mèng Đeng	
47		Thôn Nậm Mòn	
48		Thôn Cốc Lầu	
	Xã Cốc Ly		
49		Thôn Cốc Ly Thượng	
50		Thôn Phìn Giàng A	
51		Thôn Phìn Giàng C	

52		Thôn Liễu Lương	
53		Thôn Làng Pàm	
54		Thôn Nậm Hán	
55		Lùng Xa 1	
	Xã Bản Cái		
56		Thôn Cô Tông	
57		Thôn Bản Vàng	
58		Thôn Sín Chải	
	Xã Bảo Nhai		
59		Thôn Na Le	
60		Thôn Cốc Coọc	
61		Thôn Trung Đô	
62		Thôn Bản Dù	
	Xã Nậm Khánh		
63		Thôn Giàng Trù	
64		Nậm Táng	
65		Mà Phó	
<b>II</b>	<b>Huyện Bảo Yên (27 thôn, bản)</b>		
	Xã Cam Cọn		
1		Bản Hồng Cam	
	Xã Kim Sơn		
2		Bản 6AB	
3		Bản Nhai Tèn 2	
4		Bản Bảo Ân 1	
5		Bản Tân Văn 1	
6		Bản Mông	
	Xã Bảo Hà		
7		Bản Lúc 1	
8		Thôn Liên Hà 4	
	Xã Thượng Hà		
9		Thôn 6 Vài Siêu	
10		Thôn 1 Vài Siêu	
	Xã Tân Dương		
11		Bản Cau 1	
	Xã Tân Tiến		
12		Thôn Cán Chải 1	
13		Thôn Nậm Bắc	

14		Thôn Nà Phung	
	Xã Xuân Hòa		
15		Thôn Mo 3	
	Xã Điện Quan		
16		Thôn Khao A	
17		Thôn Bản 4	
18		Thôn Bản 2	
	Xã Minh Tân		
19		Thôn Bản Mông	
	Xã Vĩnh Yên		
20		Thôn Lùng Ác	
21		Thôn Tổng Kim	
22		Thôn Nậm Xoong	
23		Thôn Lò Vôi	
	Xã Nghĩa Đô		
24		Thôn Bản Đát	
25		Thôn Bản Hóc	
	Xã Xuân Thượng		
26		Bản 9	
	Xã Lương Sơn		
27		Thôn Sài 3	
<b>III</b>	<b>Huyện Bảo Thắng (28 thôn, bản)</b>		
	Thị trấn Tầng Loong		
1		Thôn Chát 2	
2		Thôn Chát 1	
	Thị trấn Phong Hải		
3		Thôn Cửa Cải	
4		Thôn Sín Thèn	
	Xã Bản Cầm		
5		Thôn Bản Cầm	
	Xã Phú Nhuận		
6		Thôn Làng Đền	
7		Thôn Đầu Cọ	
	Xã Gia Phú		
8		Thôn Nậm Phẳng	
9		Thôn Khe Băng	
10		Thôn Nậm Trà	

11		Thôn Bản Cam	
12		Thôn Khe Luộc	
13		Thôn An Thành	
	Xã Trì Quang		
14		Thôn Làng Đào 2	
15		Thôn Làng Ẽn	
	Xã Xuân Quang		
16		Thôn Cửa Cái	
17		Thôn Cốc Pục	
	Xã Thái Niên		
18		Thôn Khe Đền 2	
19		Thôn Múc	
20		Thôn Thái Niên	
21		Thôn Hải Niên	
22		Thôn Làng Giàng	
	Xã Phong Niên		
23		Thôn Làng Cung 3	
24		Thôn Làng Có 1	
25		Thôn Làng Có 3	
26		Thôn Làng Có 2	
27		Thôn Phìn Giàng	
28		Thôn Tân Hồ	
<b>IV</b>	<b>Huyện Bát Xát (49 thôn, bản)</b>		
	Xã Y Tý		
1		Thôn Hồng Ngải	
2		Thôn Sin San 1	
3		Thôn Sin San 2	
4		Thôn Phìn Hồ	
	Xã Ngải Thầu		
5		Thôn Ngải Thầu Thượng	
6		Thôn Ngải Thầu Hạ	
	Xã A Lù		
7		Thôn Khu Chu Lìn	
8		A Lù 1 - A Lù	
9		Thôn Khoa San Chải	
	Xã A Mú Sung		
10		Thôn Ngải Chồ	

11		Thôn Pạc Tà	
12		Thôn Phù Lao Chải	
	Xã Trịnh Tường		
13		Thôn Lao Chải	
14		Thôn Tả Cồ Thành	
15		Thôn Sin Chải	
16		Thôn Tùng Chín 3	
	Xã Cốc Mỳ		
17		Thôn Séo Phìn Ngan	
18		Thôn Tả Suối Câu	
19		Thôn Tả Dìn Pèng	
20		Thôn Tả Liềng	
	Xã Bản Vược		
21		Thôn San Lùng	
	Xã Bản Xèo		
22		Thôn Pồ Chồ	
23		Thôn Cán Tỷ	
	Xã Pa Cheo		
24		Thôn Hán Năng	
25		Thôn Bản Giàng	
26		Thôn Pờ Si Ngải	
27		Thôn Tả Pa Cheo	
	Xã Mường Hum		
28		Thôn Tả Pờ Hồ	
	Xã Dền Thành		
29		Thôn Dền Thành 3	
30		Thôn Cô Đông	
31		Thôn Ngải Thầu	
	Xã Sảng Ma Sáo		
32		Thôn Khu Chu Lìn	
33		Thôn Nhium Cù San	
34		Thôn Tung Quang Lìn	
35		Sảng Ma Sáo	
36		Mà Mù Sủ II	
	Xã Trung Lèng Hồ		
37		Thôn Pờ Hồ Cao	
38		Thôn Trung Hồ Cao	

39		Thôn Tả Tả Lé	
	Xã Nậm Chạc		
40		Thôn Suối Thầu 3	
41		Thôn Khoang Thuyền	
		Nậm Giang 2- Nậm Chạc	
42		Thôn Ngám Xá	
	Xã Phìn Ngan		
43		Thôn Sùng Vành- Phìn Ngan	
44		Thôn Láo Sáng - Phìn Ngan	
45		Thôn Sải Duần- Phìn Ngan	
46		Thôn Trung Hồ - Phìn Ngan	
47		Thôn Khú Trù- Phìn Ngan	
	Xã Tòng Sánh		
48		Thôn Ky Công Hồ	
49		Thôn Láo Vàng Chải	
<b>V</b>	<b>Huyện Mường Khương (77 thôn, bản)</b>		
	Xã Bản Lầu		
1		Thôn Cốc Phương	
2		Thôn Pạc Bo	
	Xã Bản Xen		
3		Thôn Bãi Nghệ	
	Xã Lùng Vai		
4		Thôn Cốc Lầy	
5		Thôn Cốc Phủng	
6		Thôn Bò Lũng	
	Xã Thanh Bình		
7		Thôn Nậm Rúp	
8		Thôn Văng Đẹt	
	Xã Mường Khương		
9		Thôn Dê Chú Thàng	
10		Thôn Lao Chải	
11		Thôn Choán Ván	



12		Thôn Hoáng Thên	
13		Thôn Sả Hồ	
14		Thôn Ma Lủ	
	Xã Nậm Chảy		
15		Thôn Gia Khâu B	
16		Thôn Cốc Dâm B	
17		Thôn Lao Chải	
18		Thôn Sấn Pản	
19		Thôn Mào Phìn	
20		Thôn Xín Chải	
	Xã Tung Chung Phố		
21		Thôn Văng Leng	
22		Thôn Lũng Pâu II	
23		Thôn Cán Hồ	
24		Thôn Sáo Tùng	
25		Thôn Vả Thàng	
26		Thôn Nàn Tiểu Hồ	
	Xã Nậm Lư		
27		Thôn Sao Cô Sín	
28		Thôn Pạc Trà	
29		Thôn Lầy Lùng	
30		Thôn Lùng Cá Cồ	
31		Thôn Ngam Lâm	
32		Thôn Na Pạc Đông	
33		Thôn Khấu Na	
34		Thôn Tả Thề	
35		Thôn Cốc Mạc	
	Xã Lùng Khấu Nhin		
36		Thôn Na Cạp	
37		Thôn Na Vang	
38		Thôn Nậm Đó	
39		Thôn Thái Giàng Chải	
	Xã Cao Sơn		
40		Thôn Sáng Lùng Chéng	
41		Thôn Sả Lùng Chéng	
42		Thôn Lùng Chéng Lùng	
43		Thôn Lao Cu Chải	

44		Thôn Pa Cheo Phìn B	
	Xã La Pan Tẩn		
45		Thôn Ma Cái Thàng	
46		Thôn Sín Chải A	
47		Thôn Sín Chải B	
48		Thôn Mường Lum	
49		Thôn Cu Ty Chải	
50		Thôn Sà San	
	Xã Tả Thàng		
51		Thôn Páo Máo Phìn A	
52		Thôn Páo Máo Phìn B	
53		Thôn Cán Cẩu 1	
54		Thôn Cán Cẩu 2	
55		Thôn Bản Phố	
	Xã Tả Ngải Chồ		
56		Thôn Lùng Vùi	
57		Thôn Bản Phố	
58		Thôn Xà Khái Tùng	
	Xã Pha Long		
59		Thôn Lũng Cáng	
60		Thôn Lò Suối Tùng	
61		Thôn Pao Pao Chải	
62		Thôn Suối Thầu	
63		Thôn Na Măng Tin Thàng	
64		Thôn Tả Lùng Thắng	
	Xã Dìn Chìn		
65		Thôn Mào Sao Chải	
66		Thôn Ngải Phóng Chồ	
67		Thôn Na Cỏ	
68		Thôn Cốc Cáng	
69		Thôn Lò Sở Thàng	
	Xã Tả Gia Khâu		
70		Thôn Na Măng	
71		Thôn Sáng Chải	
72		Thôn La Hờ	
73		Thôn Thái Giảng Sán	

74		Thôn La Hờ Súng	
75		Thôn Lũng Thắng	
76		Thôn Vũ Xà	
77		Thôn Sín Pao Chải	
<b>VI</b>	<b>Huyện Sa Pa (10 thôn, bản)</b>		
	Xã Bản Khoang		
1		Thôn Kim Ngan	
	Xã Thanh Phú		
2		Thôn Sín Chải A	
3		Thôn Mường Bo II	
	Xã Suối Thầu		
4		Thôn Nậm Lang B	
5		Thôn Suối Thầu Dao	
	Xã Sừ Pán		
6		Thôn Vạn Dền 1	
	Xã Bản Phùng		
7		Thôn Nậm Si	
	Xã Tả Phìn		
8		Thôn Can Ngải	
9		Thôn Giàng Tra	
	Xã Bản Hồ		
10		Thôn Ma Quái Hồ	
<b>VII</b>	<b>Huyện Si Ma Cai (16 thôn, bản)</b>		
	Xã Lử Thần		
1		Thôn Sẻ Lử Thần	
2		Thôn Sáng Chải	
3		Thôn Nàng Càng 2	
	Xã Nàn Sín		
4		Thôn Nàn Sín	
5		Thôn Phìn Chư 3	
6		Thôn Chính Chư Phìn	
	Xã Lùng Sui		
7		Thôn Nà Mỏ	
8		Thôn Na Chí	
	Xã Sán Chải		
9		Thôn Sín Tẩn	
10		Thôn Lù Di Sán	

	Xã Quan Thần Sán		
11		Thôn Sừ Pà Phìn	
	Xã Si Ma Cai		
12		Thôn Sín Chải	
	Xã Nàn Sán		
13		Thôn Sảng Chải 5	
	Xã Bản Mế		
14		Thôn Cốc Dế	
	Xã Sín Chéng		
15		Thôn Sản Chúng	
	Xã Thào Chư Phìn		
16		Thôn Sán Chá	
<b>VIII</b>	<b>Thành Phố Lào Cai (11 thôn)</b>		
	Xã Hợp Thành		
1		Thôn Bắc Công	
2		Thôn Nậm Rịa 1	
3		Thôn Nậm Rịa 2	
	Xã Tả Pờì		
4		Thôn Pìn Hồ Thầu	
5		Thôn Pìn Hồ	
6		Thôn Ú Xi Xung	
7		Thôn Pèng	
8		Thôn Làng Mới	
9		Thôn Xéo Tả 1	
10		Thôn Xéo Tả 2	
11		Thôn Láo Lý	
<b>IX</b>	<b>Huyện Văn Bàn (60 thôn)</b>		
	Xã Liêm Phú		
1		Thôn Phú Mậu	
2		Thôn Lâm Sinh	
3		Thôn Khối Ai	
4		Thôn Khối Ngoa	
	Xã Dương Quý		
5		Thôn Tùn Trên	
6		Thôn Tùn Dưới	
	Xã Dần Thàng		
7		Thôn Nậm Cắn	

8		Thôn Nậm Hò	
9		Thôn Tà Moòng	
10		Thôn Nậm Tăm	
11		Thôn Nậm Mười	
12		Dản Thàng	
	Xã Nậm Chày		
13		Thôn Lán Bò	
14		Thôn Nậm Chày	
15		Thôn Tà Mòng	
16		Thôn Hồm Trên	
	Xã Làng Giàng		
17		Thôn Ít Nộc 1	
18		Thôn Ít Nộc 2	
19		Thôn Nậm Bó 1	
	Xã Văn Sơn		
20		Thôn Văn Tiến	
21		Thôn Xuân Nam	
	Xã Võ Lao		
22		Thôn Ngầu 1	
23		Thôn Chiềng 2	
	Xã Nậm Mã		
24		Thôn Tà Chủ	
25		Thôn Nậm Trang	
	Xã Nậm Dạng		
26		Thôn 5	
27		Thôn 6	
	Xã Tân An		
28		Thôn Khè Bàn 1	
29		Thôn Khè Bàn 2	
30		Thôn Mai Hồng 1	
31		Thôn Mai Hồng 2	
	Xã Tân Thượng		
32		Thôn Khe Thùng 2	
33		Thôn Khe Cóc	
34		Thôn Dài 1	
	Xã Khánh Yên Hạ		
35		Thôn Nà Nheo	

36		Thôn Nà Trà	
	Xã Khánh Yên Thượng		
37		Thôn Nậm Cọ	
	Xã Khánh Yên Trung		
38		Thôn Bơ	
39		Thôn Nà Quan	
	Xã Hòa Mạc		
40		Thôn 1	
41		Thôn 8	
42		Thôn 9	
	Xã Thâm Dương		
43		Thôn Nậm Miện	
44		Thôn Nậm Con	
45		Thôn Thẳm Hiêm	
	Xã Minh Lương		
46		Thôn Pom Khén	
47		Thôn 4 Minh Chiềng	
	Xã Nậm Xây		
48		Thôn Phù Lá Ngải	
49		Thôn Giàng Dứa Chải	
50		Thôn Bản Mới	
	Xã Nậm Xé		
51		Thôn Tu Thượng	
52		Thôn Nậm Xi Tan	
	Xã Nậm Tha		
53		Thôn Khen Păn	
	Xã Chiềng Ken		
54		Thôn Thi	
55		Thôn Thi 1	
56		Thôn Phúng	
57		Thôn Tăng Bậu	
58		Thôn Bẻ 4	
	Xã Sơn Thủy		
59		Thôn Thác Dây	
60		Thôn Khe Phàn	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>343</b>	